

DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ 1974 Ở MIỀN BẮC
VÀ ĐIỀU TRA DÂN SỐ 1976 Ở NIÊM NAM

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Phần I. Dân số toàn quốc (Số bình quân năm 1976)		
1. Dân số, diện tích và mật độ dân số của các tỉnh, thành phố	Đơn vị hành chính	1976
2. Dân số các tỉnh, thành phố chia theo nam, nữ	Giới tính; Đơn vị hành chính	1976
3. Dân số các tỉnh, thành phố chia theo thành thị, nông thôn	Thành thị/Nông thôn; Giới tính; Đơn vị hành chính	1976
4. Dân số chia theo nhóm tuổi	Nhóm tuổi; Giới tính	1976
5. Dân số chia theo dân tộc	Dân tộc; Giới tính	1976
6. Nhân khẩu nông nghiệp và phi nông nghiệp	Vùng; Nông nghiệp/Phi nông nghiệp	1976
7. Dân số và nguồn lao động từ năm 1976-1980		1976
Phần II. Dân số các tỉnh, thành phố phía Bắc (theo thời điểm điều tra ngày 01/4/1974)		
8. Diện tích và mật độ dân số	Đơn vị hành chính	1974
9. Dân số chia theo nam, nữ	Giới tính; Đơn vị hành chính	1974
10. Dân số thành thị, nông thôn	Thành thị/Nông thôn; Đơn vị hành chính	1974
11. Dân số và lao động chia theo vùng	Vùng	1974
12. Dân số chia theo dân tộc	Dân tộc; Giới tính	1974

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
13. Dân số từ 6 tuổi trở lên chia theo nhóm tuổi và trình độ văn hóa	Nhóm tuổi; Trình độ văn hóa; Đơn vị hành chính	1974
14. Trình độ văn hóa của các dân tộc	Dân tộc; Giới tính; Trình độ văn hóa	1974
15. Số người ở các trình độ văn hóa tính bình quân trên 1 vạn dân qua hai cuộc Tổng điều tra	Trình độ văn hóa	1960, 1974
16. Số người có trình độ văn hóa phổ thông cấp I, cấp II, cấp III chia theo nhóm tuổi	Nhóm tuổi; Giới tính; Trình độ phổ thông	1974
17. Số người trong độ tuổi lao động chia ra số lao động đang làm việc, số lao động dự trữ và số người mất sức lao động	Loại lao động; Đơn vị hành chính	1974
18. Số lao động xã hội đang làm việc chia theo ngành kinh tế quốc dân và khu vực kinh tế	Giới tính; Khu vực kinh tế; Ngành kinh tế; Đơn vị hành chính	1974
19. Số lao động đang làm việc thuộc khu vực nhà nước trong các ngành do trung ương quản lý chia theo ngành kinh tế quốc dân	Giới tính; Ngành kinh tế; Đơn vị hành chính	1974
20. Số lao động đang làm việc thuộc khu vực nhà nước trong các ngành do địa phương quản lý chia theo ngành kinh tế quốc dân	Giới tính; Ngành kinh tế; Đơn vị hành chính	1974
21. Số lao động đang làm việc thuộc khu vực tập thể chia theo ngành kinh tế quốc dân	Giới tính; Ngành kinh tế; Đơn vị hành chính	1974
22. Số lao động đang làm việc thuộc khu vực cá thể chia theo ngành kinh tế quốc dân	Giới tính; Ngành kinh tế; Đơn vị hành chính	1974
23. Số lao động dự trữ	Giới tính; Thực trạng việc làm; Đơn vị hành chính	1974
24. Số học sinh trong tuổi lao động	Giới tính; Nhóm tuổi; Loại học sinh; Thành thị/Nông thôn	1974
25. Số người trong tuổi lao động mất sức lao động chia theo nhóm tuổi và nguyên nhân	Giới tính; Nhóm tuổi; Nguyên nhân; Đơn vị hành chính	1974
26. Tình trạng hôn nhân chia theo nhóm tuổi	Nhóm tuổi; Tình trạng hôn nhân	1974

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
27. Nhân khẩu và lao động chia theo các nhóm gia đình	Nhóm gia đình; Nghề nghiệp	1974
28. Thành phần xã hội của dân số, nhân khẩu và lao động bình quân trong các nhóm gia đình	Nhóm gia đình	1974
29. Quy mô gia đình theo số người	Quy mô gia đình; Đơn vị hành chính	1974
30. Số nhân khẩu và lao động di chuyển từ đồng bằng, trung du đến miền núi (từ 01/3/1960 đến 01/4/1974)	Nguyên nhân; Đơn vị hành chính	1974
31. Số nhân khẩu và lao động di chuyển từ nông thôn vào thành thị (từ 01/3/1960 đến 01/4/1974)	Nguyên nhân; Đơn vị hành chính	1974
Phần III. Dân số các tỉnh, thành phố phía Nam (theo thời điểm điều tra ngày 5/02/1976)		
32. Diện tích và mật độ dân số	Đơn vị hành chính	1976
33. Dân số chia theo nam, nữ và thành thị, nông thôn	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Đơn vị hành chính	1976
34. Dân số chia theo nhóm tuổi	Nhóm tuổi; Giới tính	1976
35. Dân số chia theo dân tộc	Dân tộc; Giới tính	1976
36. Số nhân khẩu chưa biết chữ chia theo nhóm tuổi	Giới tính; Nhóm tuổi; Đơn vị hành chính	1976
37. Số người chưa biết chữ chia theo dân tộc	Dân tộc; Giới tính; Nhóm tuổi; Đơn vị hành chính	1976
38. Số người trong tuổi lao động chia theo nam, nữ và thành thị, nông thôn	Giới tính; Đơn vị hành chính	1976
39. Số nhân khẩu nông nghiệp và phi nông nghiệp	Lĩnh vực hoạt động; Đơn vị hành chính	1976
40. Số lao động nông nghiệp	Giới tính; Đơn vị hành chính	1976
41. Số người trong tuổi lao động ở thành thị chưa có việc làm	Giới tính; Nhóm tuổi; Đơn vị hành chính	1976

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
42. Số người trong tuổi lao động mất sức lao động	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Đơn vị hành chính	1976
43. Số nhân khẩu bình quân trong một hộ gia đình	Thành thị/Nông thôn; Đơn vị hành chính	1976